

Số: /STNMT-VP

Nam Định, ngày tháng 01 năm 2022

V/v thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Ngành
Tài nguyên và Môi trường trong năm 2022

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Phòng TN&MT các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm của UBND tỉnh năm 2022; Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2021 và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2022; Thông báo số 262/TB-UBND ngày 07/12/2021 Kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị giao chỉ tiêu Kế hoạch năm 2022. Sở Tài nguyên và Môi trường xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của Ngành Tài nguyên và Môi trường trong năm 2022 như sau:

I- Nhiệm vụ trọng tâm:

Ngoài các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng; năm 2022, toàn Ngành Tài nguyên và Môi trường tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ trọng tâm ngành TN&MT trong năm 2022.

Tham mưu lập và tổ chức thực hiện các danh mục, đề án, nhiệm vụ trong chương trình công tác năm 2022 của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định (*Chi tiết tại Phụ lục số 01*).

Tập trung phối hợp thực hiện các nội dung tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền, tham mưu ban hành văn bản QPPL

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và hành động của tổ chức, cá nhân và nhân dân trong việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường; việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn, bảo vệ môi trường làng nghề; ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng các mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn tại các địa phương; triển khai đồng bộ Luật BVMT năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục rà soát các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND tỉnh các cấp để tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện, nhất là các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật BVMT năm 2020; xây dựng và ban hành các kế hoạch, văn bản để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nhiệm vụ của ngành.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra

3.1. Triển khai và tổ chức thực hiện Quyết định số 610/QĐ-STNMT ngày 15/12/2021 về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022; phối hợp có hiệu quả với các Đoàn Thanh tra, kiểm tra các cấp.

Tăng cường rà soát, xử lý và công bố công khai các dự án, nhà đầu tư chậm đưa đất vào sử dụng để lãng phí đất đai. Tiếp tục, tham mưu xử lý đối với 29/70 dự án chậm tiến độ đầu tư, chậm đưa đất vào sử dụng, xây dựng sai so với mặt bằng quy hoạch được duyệt (trong đó có 8 dự án đang triển khai xây dựng hạng mục các công trình).

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng thời gian theo quy định, không để xảy ra tình trạng chậm giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

3.2. Tập trung giải quyết các vụ việc tồn đọng, kéo dài, phức tạp và vụ việc khiếu kiện đông người; tăng cường đối thoại nhằm hạn chế đơn thư, khiếu nại của công dân; giải quyết, xử lý tốt các kiến nghị của cử tri, của đại biểu HĐND tỉnh.

4. Lĩnh vực đất đai:

4.1. Tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm Kết luận số 43-KL/TU ngày 22/8/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh. Trong đó chú trọng các nhiệm vụ sau:

- Hoàn thành chỉ tiêu UBND tỉnh giao chỉnh lý bản đồ, hồ sơ địa chính, cấp đổi GCN QSDĐ nông nghiệp sau ĐDDT cho **41.668 GCN** (Chi tiết tại Phụ lục 02).

- Tập trung thực hiện đo đạc xây dựng BĐDC đối với 68 xã sử dụng bản đồ, HSDC bằng phương pháp thủ công từ năm 1980. Triển khai nhiệm vụ đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính 14 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Trục Ninh.

- Giám sát, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ.

- Tập trung cấp GCNQSDĐ cho cơ quan, tổ chức, cơ sở tôn giáo; tăng cường công tác quản lý việc sử dụng đất của các cơ sở tôn giáo chưa được cấp GCNQSDĐ; đẩy nhanh việc lập phương án xử lý đối với các trường hợp sử dụng đất không hợp pháp; hoàn thiện hồ sơ liên quan đến công nhận quyền SDD, cấp GCN QSDĐ cho các công trình công cộng khi xây dựng NTM.

4.2. Triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) cấp tỉnh; công khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 các huyện, Thành phố; thực hiện phương án phân bổ và hướng dẫn các huyện bổ sung, hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo chỉ tiêu phân bổ.

4.3. Hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2021 và giao nộp sản phẩm theo quy định; triển khai thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Triển khai Dự án điều tra, đánh giá đất đai tỉnh Nam Định.

4.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách chặt chẽ đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.

Giải quyết kịp thời các thủ tục giao đất, cho thuê đất, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong công tác GPMB các công trình trọng điểm, công trình phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh; tiếp tục tạo quỹ đất sạch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai dự án đầu tư; tổ chức đấu giá đất ở, thu tiền SDD đạt kế hoạch thu **2.564 tỷ đồng**.

4.5. Tổ chức thực hiện hiệu quả “Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở

dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn ngân hàng thế giới” (VILG).

4.6. Kiểm soát chặt chẽ quá trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng thời gian theo quy định, không để xảy ra tình trạng chậm giải quyết TTHC.

5. Lĩnh vực môi trường:

5.1. Thực hiện nghiêm quy định của Luật BVMT năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT 2020; tiếp tục triển khai Kế hoạch 24/KH-UBND ngày 26/4/2013 của về việc thực hiện một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 23/11/2016 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 19/3/2014 thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU của BCH Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56- KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Hướng dẫn, đôn đốc giám sát việc duy trì và nâng cao tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Hoàn thành các chỉ tiêu về môi trường năm 2022 (*Chi tiết tại Phụ lục 03*).

5.3. Triển khai thực hiện một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn theo Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh về thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, với các hình thức phù hợp, hiệu quả, thuận tiện cho người dân. Trong đó đề ra giải pháp, lộ trình cụ thể như: xử lý triệt để các bãi chôn lấp rác tự phát, ngăn chặn hình thành các bãi chôn lấp tự phát; phân loại rác thải tại nguồn; đề xuất vị trí, địa điểm thu hút đầu tư các khu xử lý rác thải quy mô huyện, liên huyện... phấn đấu đến hết năm 2025 giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp xuống dưới 30%.

- Tham mưu cơ chế, chính sách về thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo quy định, hướng dẫn định mức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; triển khai có hiệu quả Đề án “Quản lý, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025”.

5.4. Triển khai Phương án thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; thực hiện phân loại rác thải tại nguồn trên địa bàn tỉnh. Cải tạo, nâng cấp các khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung ở các xã, thị trấn trở thành khu xử lý rác thân thiện môi trường.

5.5. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định tiêu chuẩn môi trường của các dự án đầu tư vào tỉnh; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sau khi đi vào hoạt động; kiểm soát chặt chẽ việc xử lý, xả

thải ra môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh nhất là các cơ sở có nguồn thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

5.6. Xây dựng giải pháp nhằm cải thiện chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của tỉnh.

5.7. Đề xuất các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ và triển khai thực hiện.

5.8. Triển khai quan trắc môi trường theo mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt.

6. Lĩnh vực quản lý tài nguyên môi trường biển:

6.1. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 12/5/2020 về việc Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/03/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của BCHTW Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; triển khai thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

6.2. Cập nhật, bổ sung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Nam Định. Nghiên cứu xây dựng và thực hiện chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh.

6.3. Đề xuất các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ và triển khai thực hiện.

7. Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu:

7.1. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Nam Định đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 12/08/2019 của UBND tỉnh.

7.2. Thực hiện các nội dung Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 27/2018/QĐ-UBND, ngày 9/11/2018.

7.3. Đề xuất các dự án, đề án, nhiệm vụ về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện.

8. Lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản:

8.1. Về khoáng sản:

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 06/CT-UBND ngày 14/3/2018 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nam Định; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh quy định trách nhiệm phối hợp quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nam Định, tập trung đôn đốc UBND cấp huyện lập kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh Nam Định ban hành phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; ngăn chặn, xử lý kịp thời các vụ việc ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

8.2. Về Tài nguyên nước:

- Rà soát quy định, tham mưu tăng cường quản lý trong lĩnh vực tài nguyên nước nhất là thời điểm Luật Bảo vệ Môi trường 2020 có hiệu lực, Luật Tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung.

- Thực hiện nghiêm chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục; đôn đốc việc kê khai, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

8.3. Đề xuất các dự án, đề án, nhiệm vụ về tài nguyên nước, khoáng sản trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện.

9. Cải cách hành chính- Bộ máy tổ chức:

9.1. Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 2475/KH-UBND ngày 31/8/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, xúc tiến và thu hút đầu tư của Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 3817/KH-STNMT ngày 16/12/2021 về cải cách hành chính Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2022; thực hiện nghiêm Quyết định số 2192/QĐ-STNMT ngày 22/7/2020 Ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu đơn vị thuộc Sở về thực hiện công tác cải cách hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường. Xây dựng giải pháp để tiếp tục nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số CCHC của Sở; kiểm soát chặt chẽ quá trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng thời gian theo quy định, kiên quyết không để xảy ra tình trạng chậm giải quyết TTHC, nhất là TTHC trong lĩnh vực đất đai; đẩy mạnh việc thanh toán trực tuyến đối với các TTHC có phí, lệ phí đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân trong thực hiện các giao dịch; duy trì áp dụng, cải tiến hệ thống QLCL TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động quản lý và điều hành; đảm bảo vận hành trang thông tin điện tử, hệ thống quản lý văn bản điều hành.

9.2. Thực hiện hiệu quả đề án tổ chức lại các đơn vị tham mưu quản lý nhà nước và đề án tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp; thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp của Sở.

- Lập và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của Sở.

9.3. Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 3923/KH-STNMT kế hoạch thực hiện chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch số 3746/KH-STNMT ngày 13/12/2021 của Sở về Ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống GIS Cổng Thông tin điện tử GIS tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 3729/KH-STNMT ngày 10/12/2021 về Ứng dụng Công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022.

- Triển khai Dự án Ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống GIS Cổng Thông tin điện tử GIS tỉnh Nam Định.

9.4. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 11/CT-UBND, ngày 9/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp tỉnh Nam Định và Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở và thực hiện CCHC; xử lý kỷ luật và điều chuyển đối với lãnh đạo, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính và không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc có dư luận không tốt nhất là trong việc thực hiện giải quyết các TTHC.

II. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện:

Để hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ đề ra trong năm 2022, ngành tài nguyên và môi trường tập trung một số giải pháp sau đây:

1. Các đồng chí Lãnh đạo Sở theo lĩnh vực công tác, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện Văn bản này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng Kế hoạch công tác năm 2022 của đơn vị nhằm cụ thể hoá và phân công rõ trách nhiệm đến từng lãnh đạo và cán bộ để tổ chức thực hiện;

- Chủ động tham mưu và phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất với Lãnh đạo sở để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh; chịu trách nhiệm công tác CCHC thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Đối với các đơn vị được giao chủ trì xây dựng, soạn thảo nhiệm vụ, đề án trong Chương trình công tác trọng tâm của Sở phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về chất lượng tham mưu và tiến độ thực hiện; chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị tốt và trình UBND tỉnh theo đúng thời gian, trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế làm việc của UBND tỉnh.

3. Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố trên cơ sở kế hoạch, chương trình hành động của địa phương và văn bản này, xây dựng Kế hoạch công tác năm 2022 ngành tài nguyên và môi trường của địa phương.

4. Thủ trưởng các đơn vị, Trưởng phòng TN&MT các huyện, thành phố có trách nhiệm quán triệt sâu rộng đến từng công chức, viên chức, người lao động; định kỳ hàng tháng, thường xuyên đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng Sở để tổng hợp.

5. Giao Văn phòng sở thực hiện việc theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tiến độ thực hiện Văn bản này và báo cáo lãnh đạo Sở tại các cuộc họp giao ban định kỳ./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (để b/c);
- Cục thi đua số 1 Ngành TN&MT;
- Thường trực TU; | (để báo cáo)
- UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh;
- UBND huyện, T./phố (phối hợp chỉ đạo);
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở; | (để tổ chức thực hiện)
- Phòng TN&MT các huyện, th/phố;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Sơn

**PHỤ LỤC 01: CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC TRỌNG TÂM NĂM 2022
NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Công văn số /STNMT-VP, ngày tháng 01 năm 2022)

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị thực hiện | Cấp quyết định thông qua | Thời gian trình | Ghi chú |
|------------|---|--|---------------------------------|------------------------|----------------|
| I | Lĩnh vực đất đai | | | | |
| 1 | Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh | Phòng QH-KH và các đơn vị liên quan | TTCP, Bộ TNMT, UBND tỉnh | Đã trình Chính phủ | |
| 2 | Bổ sung danh mục dự án phải thu hồi đất thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định. | UBND các huyện, thành phố, Phòng QH-KH và các đơn vị liên quan | BTV TU; HĐND tỉnh; UBND tỉnh | Tháng 6 | |
| 3 | Bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định. | UBND các huyện, TP, Phòng QH-KH và các đơn vị liên quan | BTV TU; HĐND tỉnh; UBND tỉnh | Tháng 6 | |
| 4 | Danh mục dự án phải thu hồi đất thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh. | UBND các huyện, TP, Phòng QH-KH và các đơn vị liên quan | BTV TU; HĐND tỉnh; UBND tỉnh | Tháng 11 | |
| 5 | Danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh. | UBND các huyện, TP, Phòng QH-KH và các đơn vị liên quan | BTV TU; HĐND tỉnh; UBND tỉnh | Tháng 11 | |
| 6 | Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Nam Định. | VPĐK và các đơn vị liên quan | HĐND tỉnh; UBND tỉnh | Tháng 6 | |
| 7 | Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Nam Định. | VPĐK và các đơn vị liên quan | HĐND tỉnh; UBND tỉnh | Tháng 6 | |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị thực hiện | Cấp quyết định thông qua | Thời gian trình | Ghi chú |
|--|---|---|--------------------------|-----------------|------------------------------------|
| II Lĩnh vực Môi trường | | | | | |
| 1 | Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định. | UBND các huyện, TP, Chi cục BVMT và các đơn vị có liên quan | HĐND tỉnh; UBND tỉnh | Tháng 6 | |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung Quyết định 12/2017/QĐ-UBND ngày 15/7/2017 của UBND tỉnh quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định | UBND các huyện, TP, Chi cục BVMT và các đơn vị có liên quan | UBND tỉnh | Tháng 10 | |
| III Lĩnh vực Tài nguyên nước-Khoáng sản | | | | | |
| 1 | Đề án điều tra, lập danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Nam Định. | Phòng TNN-KS và các đơn vị có liên quan | UBND tỉnh | Tháng 12 | Trình đề cương và dự toán chi tiết |
| 2 | Đề án khoanh định khu vực cấm hoạt động khai thác, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông | Phòng TNN-KS và các đơn vị có liên quan | UBND tỉnh | Tháng 12 | Trình đề cương và dự toán chi tiết |

**PHỤ LỤC 02: CHỈ TIÊU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG
ĐẤT NÔNG NGHIỆP SAU DÒN ĐIỀN ĐỔI THỬA NĂM 2022**

(Kèm theo Công văn số /STNMT-VP, ngày tháng 01 năm 2022)

Đơn vị tính: GCN

| STT | Các huyện | Kế hoạch năm 2022 | Ghi chú |
|------------|-------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Mỹ Lộc | 550 | |
| 2 | Vụ Bản | 7.500 | |
| 3 | Ý Yên | 15.000 | |
| 4 | Nghĩa Hưng | 400 | |
| 5 | Nam Trực | 2.000 | |
| 6 | Trực Ninh | 2.000 | |
| 7 | Xuân Trường | 2.000 | |
| 8 | Giao Thủy | - | |
| 9 | Hải Hậu | 12.218 | |
| | Tổng cộng: | 41.668 | |

**PHỤ LỤC 03: CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2022**

| STT | Chi tiêu kế hoạch | Kế hoạch năm 2022 |
|------------|--|--------------------------|
| 1 | Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt. <i>(Trong đó được sử dụng nước sạch đạt từ 96 % trở lên).</i> | $\geq 99,98\%$ |
| 2 | Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý. | $\geq 94,5\%$ |
| 3 | Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý. | $\geq 95,5\%$ |
| 4 | Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom, xử lý. | $\geq 89,5\%$ |